| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THOẠI SƠN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2021/DS-ST
Ngày: 14-5-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà***: Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83A/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim P, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã MPĐ, huyện ThS, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 1D2 TĐ, khóm BK1, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/10/2020)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp TĐ, xã MPĐ, huyện ThS, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T cùng vắng mặt không rõ lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/12/2018, bà Lê Kim P cho bà Nguyễn Thị Kim P1 vay số tiền 42.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng; mục đích để bà P1 mở quán bán cơm tại nhà, hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay; khi vay có làm biên nhận do chồng bà P lập tại nhà bà P, bà P1 có lăn tay. Quá trình vay, do bà P1 không đóng lãi như đã thỏa thuận nên bà P có gặp ông T (chồng bà P1) cho biết việc bà P1 vay tiền nhưng không trả lãi như đã hứa thì ông T nói việc bà P1 vay bà P1 trả ông không biết.

Đến nay, mặc dù bà P đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà P1 không trả nợ. Do ông T và bà P1 ở chung nhà với nhau và có một con chung, số tiền bà P1 vay làm vốn để mở tiệm bán cơm tại nhà kiếm thêm thu nhập phục vụ sinh hoạt thiết yếu của gia đình nên bà P khởi kiện yêu cầu bà P1 và ông T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền đã vay là 42.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng từ ngày 27/12/2018 đến khi xét xử.

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P1 và ông T đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà P1 và ông T cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho bà P1 và ông T biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà P1 và ông T cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Lê Kim P là ông Huỳnh Thanh Tâm có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Huỳnh Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P, buộc bà Nguyễn Thị Kim P1 trả cho bà Lê Kim P số tiền 42.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/12/2018 đến nay theo lãi suất 1,5%/tháng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim P buộc ông Nguyễn Hữu T phải liên đới hoàn trả cho bà Lê Kim P số tiền 42.000.000 đồng và tiền lãi.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Do không hoàn trả tiền vay như thỏa thuận, bà Lê Kim P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà P số tiền vay 42.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/12/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà Lê Kim P là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T là bị đơn.

Bà Lê Kim P ủy quyền cho ông Huỳnh Thanh T theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/10/2020. Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp với quy định tại các Điều 85 và 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông Huỳnh Thanh T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T đều từ chối nhận văn bản và vắng mặt không lý do; đồng thời, bà P1 và ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà P1 và ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Kim P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà P số tiền vay 42.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/12/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Xét, giữa bà P, bà P1 và ông T đều là cá nhân, không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T cùng cư trú tại Ấp TĐ, xã MPĐ, huyện ThS, tỉnh An Giang nên căn cứ các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về đánh giá chứng cứ: Bà Nguyễn Thị Kim P1 và ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án hoặc có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P và cũng không cung cấp cho Tòa án T liệu chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của bà P. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào các T liệu chứng cứ do bà P giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[3.2] Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 27/12/2018 thể hiện bà Nguyễn Thị Kim P1 có mượn của bà Lê Kim P số tiền 42.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và cũng đã ban hành Thông báo về việc thu thập được T liệu, chứng cứ và tống đạt văn bản cho bà P1, ông T nhưng bà P1 ông T từ chối nhận văn bản và vẫn không có ý kiến đối với các nội dung nêu trong văn bản.

Tuy nhiên, căn cứ tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thể hiện:

- Tại Bản tự khai ngày 10/01/2020, Biên bản lấy lời khai ngày 6/3/2020, Biên bản hòa giải ngày 06/3/2020 và Biên bản đối chất ngày 21/5/2020 bà P1 trình bày như sau: Bà vay của bà P 03 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng cộng 30.000.000 đồng, đóng lãi 3.000.000 đồng/tháng, đóng được 8 tháng thì không còn khả năng trả tiếp nên vợ chồng bà lên Bình Dương làm ăn, sau đó về thì bà P yêu cầu viết giấy nợ 42.000.000 đồng (gồm vốn và lời), bà có lăn tay vào biên nhận. Sau đó lại tiếp tục đóng lãi 30.000 đồng/ngày, bà đóng được một thời gian thì không còn khả năng đóng tiếp nên ngưng không trả vốn và lãi đến nay. Mục đích bà vay tiền là để mở quán cơm tại nhà kiếm thêm thu nhập, việc bà vay tiền ông T hoàn toàn không biết. Nay bà P khởi kiện yêu cầu trả 42.00.000 đồng thì bà đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần 03 tháng trả 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Còn tiền lãi yêu cầu không tính lãi vì hoàn cảnh khó khăn và trước đây bà đã đóng lãi cho bà P nhiều rồi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho bà P1 và ông T biết để thực hiện quyền của mình, nhưng bà P1 và ông T đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày cũng như phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh, giấy mượn tiền ngày 27/12/2018 sẽ được đánh giá là chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ và hợp pháp. Bà P khởi kiện yêu cầu bà P1 trả số tiền vay 42.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với lãi suất vay mà các bên thỏa thuận: Theo biên nhận ngày 27/12/2018 thể hiện lãi suất là hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, lãi suất thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Do bà P1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà P yêu cầu tính lãi từ ngày ký biên nhận 27/12/2018 đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận. Tiền lãi cụ thể như sau:

42.000.000 đồng x 2 năm 4 tháng 17 ngày x 1,5%/tháng (18%/năm) = 17.997.000 đồng

[3.4] Xét yêu cầu của bà Lê Kim P về việc buộc ông Nguyễn Hữu T phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim P1 hoàn trả số tiền đã vay: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bà P cho rằng bà P1 vay tiền nhằm mục đích mở quán cơm bán tại nhà, người đại diện của bà P cũng xác định việc thỏa thuận vay và giao tiền chỉ có bà P1 tham gia, đến khi bà P1 không trả nợ đúng hạn thì bà P có cho ông T hay nhưng ông T cho rằng không biết việc này. Trong các lời khai trước đây do Tòa án thu thập ông T cho rằng ông không biết việc vay mượn giữa vợ ông là bà P1 với bà P, ông không có tham gia giao dịch cũng không có ký tên vào bất cứ biên nhận vay tiền nào, đến khi Tòa án thông báo về việc tranh chấp thì ông mới biết việc vợ ông vay tiền của bà P, đối với yêu cầu của bà P thì ông không có ý kiến gì.

Trong suốt quá trình tố tụng, người đại diện của bà P cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc ông T có cùng với bà P1 vay mượn tiền của bà P, cũng như việc bà P1 sử dụng số tiền vay trên nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 27, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình không có cơ sở buộc ông T phải liên đới với bà P1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà P. Yêu cầu của bà P về việc buộc ông T liên đới trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[3.5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân huyện Thoại Sơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim P1 phải hoàn trả số tiền vay 42.000.000 đồng và tiền lãi 17.997.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim P buộc ông Nguyễn Hữu T phải liên đới cùng với bà Nguyễn Thị Kim P1 hoàn trả cho bà Lê Kim P số tiền 42.000.000 đồng và tiền lãi 17.997.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim P1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Lê Kim P được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 27, 45 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Kim P số tiền 59.997.000 *(Năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn)* đồng. Trong đó: Tiền vốn: 42.000.000 đồng, tiền lãi: 17.997.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2021) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Kim P1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P về việc buộc ông Nguyễn Hữu T phải liên đới với bà Nguyễn Thị Kim P1 hoàn trả số tiền 59.997.000 *(Năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn)* đồng. Trong đó: Tiền vốn: 42.000.000 đồng, tiền lãi: 17.997.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Kim P1 phải chịu 2.999.850 *(Hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Lê Kim P số tiền 1.050.000 *(Một triệu không trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số: TU/2019/0008016 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Mỹ Linh**